TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2017
V/v: Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung và không cấp dưỡng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thanh Học.

2. Bà Trần Thị An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung và không cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: tổ 9, khu phố B, phường Đ, thị xã P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Danh S, sinh năm 1973.

Địa chỉ: tổ 9, khu phố B, phường Đ, thị xã P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Dương Thị Tình, Trợ giúp viên pháp lý-Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: số 52 H, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2017 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Quách Thị H trình bày: Tôi và anh Danh S chung sống với nhau, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2001. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến tháng 8 năm 2016 anh S bỏ nhà ra đi không còn quan tâm đến vợ con. Đến nay xét thấy tình cảm không còn và không thể chung sống với nhau được nữa; tôi yêu cầu Tòa án xét cho tôi được ly hôn với anh Danh S.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là Danh Thị Phương T, sinh ngày 27/8/2002, giới tính nữ; Danh Thành D, sinh ngày 29/6/2005, giới tính nam và Danh Thành Đ, sinh ngày 18/7/2009, giới tính nam; hiện 03 con đang chung sống với tôi và do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 03 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Danh S cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng tôi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2017 và lời khai tại phiên tòa anh Danh S trình bày: Tôi với cô H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau khi chung sống vợ chồng có đầm ấm, hạnh phúc; không có mâu thuẫn gì lớn. Việc tôi bỏ vợ con đi là do tôi không hài lòng cô cháu gái tên Mỹ D sống chung với vợ chồng tôi; từ đó mà giữa tôi và vợ tôi cũng như mẹ vợ mâu thuẫn gay gắt, nên tôi bỏ nhà ra đi từ tháng 8 năm 2016 đến nay. Do cô H quá cương quyết xin ly hôn tôi, nên tôi hoàn toàn đồng ý ly hôn với cô H.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung là Danh Thị Phương T, sinh ngày 27/8/2002, giới tính nữ; Danh Thành D, sinh ngày 29/6/2005, giới tính nam và Danh Thành Đ, sinh ngày 18/7/2009, giới tính nam; hiện 03 con đang chung sống với cô H. Khi ly hôn tôi đồng ý giao 02 con là Danh Thị Phương T và

Danh Thành D cho cô H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Riêng tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con Danh Thành Đ đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cô H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có một số tài sản chung, nhưng tôi không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ ai và ai nợ vợ chồng tôi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm tranh luận của nguyên đơn chị Quách Thị H: Ngoài việc yêu cầu Tòa án xem xét chấp nhận cho tôi được ly hôn đối với anh Danh S và được trực tiếp nuôi 03 con chung. Ngoài ra, tôi không có ý kiến tranh luận thêm.

Quan điểm tranh luận đối đáp của Trợ giúp viên pháp lý bà Dương Thị Tình cho rằng: Do chị Quách Thị H xin ly hôn anh Danh S và anh Danh S cũng đồng ý ly hôn với chị Quách Thị H, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự đồng ý ly hôn của hai bên đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Danh S được trực tiếp nuôi con chung là cháu Danh Thành Đ đến tuổi trưởng thành, vì anh Danh S có việc làm và thu nhập ổn định đáp ứng đủ các điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cháu Đ.

Anh Danh S không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị Quách Thị H và anh Danh S hoàn toàn đồng ý xin ly hôn nhau. Về con chung giao cả 03 cháu Phương T, Thành D và Thành Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bác yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đối với anh Danh S theo quy định của pháp luật. Không phải xem xét về chi phí cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung do hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc chị Quách Thị H tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng đối với anh Danh S có nơi cư trú tại khu phố B, phường Đ, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; nên được xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia

đình thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Việc Tòa án tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án; xem xét xác minh thu thập tài liệu chứng cứ và thông báo để các bên đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải đều được kịp thời và đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Không xem xét yêu cầu phản tố do bị đơn không có yêu cầu.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị H và anh Danh S chung sống với nhau và được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong nhiều năm anh chị chung sống có đầm ấm, hạnh phúc và cho đến tháng 8 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Chủ yếu là do anh S nói cho người khác biết trước khi chị H về làm vợ anh là chị H không còn trong trắng (trinh tiết); sự việc được chị H và gia đình chị biết được, nên từ đó giữa chị H và anh S thường xuyên xảy ra cự cải, bất đồng quan điểm với nhau. Theo anh S trình bày anh tự bỏ nhà ra đi từ tháng 8 năm 2016 đến nay; trong khoảng thời gian này nhiều lần anh muốn trở về đoàn tụ, chung sống lại với vợ con, nhưng đều bị chị H từ chối, lánh mặt. Nay chị H cương quyết xin ly hôn anh nên anh hoàn toàn đồng ý xin được ly hôn với chị H. Tại phiên tòa hôm nay xét thấy tình cảm giữa chị H và anh S không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đồng thời, anh S và chị H hoàn toàn đồng ý xin được ly hôn với nhau nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về con chung: Chị Quách Thị H và anh Danh S trình bày có 03 con chung là Danh Thị Phương T, sinh ngày 27/8/2002, giới tính nữ; Danh Thành D, sinh ngày 29/6/2005, giới tính nam và Danh Thành Đ, sinh ngày 18/7/2009, giới tính nam. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh S cấp dưỡng chi phí nuôi con chung; anh S đồng ý giao cháu Phương T và Thành D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Riêng anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu

Thành Đ đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy cháu Danh Thành Đ từ khi anh S bỏ nhà ra đi cháu Đ chung sống với chị H và do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạo điều kiện cho đi học bình thường. Theo nguyện vọng của cháu Đ là khi cha mẹ ly hôn cháu Đ muốn chung sống với mẹ (Bút lục số 26). Do đó, cần bác yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ của anh Danh S và quyết định giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến tuổi trưởng thành. Anh Danh S không phải cấp dưỡng chi phí nuôi cả 03 con chung do chị H không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Chị H trình bày không có tài sản chung; anh S trình bày có một số tài sản chung nhưng không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị H anh S trình bày không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét.

[7] Về án phí: Chị Quách Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56; Điều 58 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc chị Quách Thị H và anh Danh S hoàn toàn đồng ý ly hôn nhau.

2. Về con chung:

2.1. Bác yêu cầu của anh Danh S về việc xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Danh Thành Đ đến tuổi trưởng thành.

2.2. Ghi nhận và giao cả 03 cháu là Danh Thị Phương T, sinh ngày 27/8/2002, giới tính nữ; Danh Thành D, sinh ngày 29/6/2005, giới tính nam và Danh Thành Đ, sinh ngày 18/7/2009, giới tính nam cho chị Quách Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; phù hợp với nguyện vọng của cả 03 cháu nói trên. Anh Danh S không phải cấp dưỡng chi phí nuôi cả 03 con chung do chị H không có yêu cầu.

Anh Danh S và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được nuôi con của Chị Quách Thị H đối với các cháu Danh Thị Phương T, Danh Thành D và Danh Thành Đ. Chị Quách Thị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc anh Danh S thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Danh Thị Phương T, Danh Thành D và Danh Thành Đ.

3. Về tài sản chung: Chị H trình bày không có tài sản chung; anh S trình bày có một số tài sản chung nhưng không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án, nên miễn xem xét.

4. Về nợ chung: Chị H và anh S trình bày không có nợ chung qua lại, nên miễn xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Quách Thị H phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004302 ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, nên chị H không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện KSND tx Hà Tiên;
- Chi cục THADS tx Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân